

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 02 - 2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thúy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Quốc Tiến**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố G.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 340 đường K, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Vũ Công T, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 388/8/16 đường K, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VU ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị D trình bày:**

Chị D và anh Vũ Công T qua tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002; anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 342, quyển số 2 ngày 24/10/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình cha mẹ ruột tôi địa chỉ Số 340 đường NK, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Sinh sống được một thời gian sau khi tôi sinh 02 người con thì vợ chồng chuyển ra nhà trọ sinh sống cho đến nay.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình 02 bên không hòa hợp luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không có trách nhiệm chăm lo cho

cuộc sống gia đình từ đó dẫn đến vợ chồng cự cãi, đánh nhau. Mặc khác, anh T còn có người phụ nữ khác bên ngoài. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2014 thì vợ chồng sống ly thân, đến tháng 10/2018 thì tôi về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Lâm Thị D xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung Vũ Lâm Phương N, sinh ngày 07/8/2003 và Vũ Lâm Tuyết N1, sinh ngày 07/10/2007 đang sống với tôi.

Về tài sản, nợ chung: Chị Lâm Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị D xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Thành nữa và yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi 02 người con. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Chị Lâm Thị D khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Vũ Công T và anh T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vũ Công T chưa có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị D tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên họp, nhưng anh Vũ Công T cố tình tránh mặt không đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị D yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Ngọc D và anh Vũ Công T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 342, quyển số 2 ngày 24/10/2002, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị D, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Chị D xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh Thành không cùng chung quan điểm trong cách nghĩ, cách sống, anh T không quan tâm chăm sóc cuộc sống gia đình từ đó dẫn đến cự cãi, đánh nhau. Anh T và chị D đã có thời gian ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại thời điểm xét xử, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu anh T có ý kiến trình bày bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D nhưng anh T đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Từ đó cho thấy, anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D và tại phiên tòa chị D xác định không còn tình cảm yêu thương với anh T nên không thể hàn gắn vợ chồng, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của chị D và anh T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó qua nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị D, cho chị D ly hôn với anh Vũ Công Thành.

[5] Về con chung: Chị D xác định chị và anh T chung sống có 02 người tên Vũ Lâm Phương N, sinh ngày 07/8/2003 và Vũ Lâm Tuyết N1, sinh ngày 07/10/2007. Chị D có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D có điều kiện để lo cho 02 cháu phát triển tốt. Mặc khác, cháu N và cháu N1 cũng có nguyện vọng được chung sống cùng với chị D (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng của 02 cháu ngày 27/11/2018); Xét thấy cháu N và cháu N1 là bé gái, đang trong giai đoạn phát triển về thể chất lẫn tâm, sinh lý nên rất cần sự trông nom, chăm sóc của người mẹ; do đó, việc giao cháu N và cháu N1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của các cháu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu anh T cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, thì khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008515 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị D về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Vũ Công T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị D được ly hôn với anh Vũ Công T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lâm Thị D tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Vũ Lâm Phương N, sinh ngày 07/8/2003 và Vũ Lâm Tuyết N1, sinh ngày 07/10/2007. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lâm Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008515 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/02/2019); bị đơn anh Vũ Công T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh